

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HVCSPT ngày tháng năm 20
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

Ngành đào tạo: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
Mã số: 52340201
Trình độ đào tạo: Đại học
Chuyên ngành: THẨM ĐỊNH GIÁ

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung:

Chuyên ngành Thẩm định giá cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu của ngành, chuyên ngành và phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp để có thể độc lập nghiên cứu, tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ, đáp ứng nhu cầu của công việc.

Cử nhân chuyên ngành Thẩm định giá có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về hoạt động Thẩm định giá, khả năng sáng tạo, kỹ năng làm việc trong các Bộ, Ban, Ngành, các cơ quan quản lý Nhà nước từ cấp Trung ương đến địa phương, các tổ chức phi chính phủ, các công ty thẩm định giá, các tổ chức Tài chính – tín dụng, các doanh nghiệp và các trường đại học, viện nghiên cứu

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Thẩm định giá, sinh viên có thể tiếp tục học lên bậc Thạc sĩ.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức:

Trang bị cho sinh viên các kiến thức từ kiến thức đại cương đến kiến thức chuyên ngành, bao gồm:

- Kiến thức giáo dục đại cương là nền tảng chung, góp phần xây dựng thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận để học tập, nghiên cứu và làm việc trọn đời;

- Kiến thức cơ bản về khối ngành kinh doanh và quản lý cho phép sinh viên vận dụng các công cụ phân tích kinh tế và kinh doanh, giải quyết các vấn đề quản lý nhà nước và quản trị doanh nghiệp;
- Kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành tài chính – ngân hàng là các kiến thức cốt lõi đặc trưng, liên quan trực tiếp ngành tài chính – ngân hàng, làm nền tảng cho sinh viên tiếp cận các kiến thức chuyên ngành;
- Kiến thức lý thuyết và thực tiễn chuyên ngành sâu trong lĩnh vực Thẩm định giá, bao gồm các kiến thức và nghiệp vụ về tài chính doanh nghiệp, pháp luật áp dụng trong lĩnh vực thẩm định giá, nguyên lý thẩm định giá, thẩm định giá doanh nghiệp và các loại hình tài sản khác nhau.

1.2.2. Về kỹ năng:

Có kỹ năng và nghiệp vụ chuyên nghiệp trên tất cả các mặt hoạt động của lĩnh vực Tài chính; có kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá một cách toàn diện các vấn đề kinh tế tài chính ở tầm vĩ mô và vi mô, đặc biệt là các nghiệp vụ thẩm định giá, như thẩm định giá doanh nghiệp, thẩm định giá bất động sản, thẩm định giá máy móc thiết bị, thẩm định giá tài sản vô hình...; có kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng bán hàng, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp trong giải quyết công việc hàng ngày.

1.2.3 Về thái độ:

Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; chấp hành pháp luật Nhà Nước, nội quy, quy chế của đơn vị; có tinh thần cầu thị, lạc quan, chủ động sáng tạo; có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao; có thái độ tự tin và quyết đoán trong công việc; biết tôn trọng và học hỏi từ những lời phê bình.

1.2.4. Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có cơ hội làm việc trong các Bộ, Ban, Ngành, các cơ quan quản lý Nhà nước từ cấp Trung ương đến địa phương, các tổ chức phi chính phủ, các công ty thẩm định giá, các tổ chức Tài chính – tín dụng, các doanh nghiệp và các trường đại học, viện nghiên cứu.

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ và tin học:

Đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và tin học theo công bố chung về chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển.

2. Chuẩn đầu ra

2.1 Về kiến thức (9-12 CĐR)

a. Kiến thức cơ bản

1. Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.
2. Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản đặc biệt là pháp luật về kinh tế, đầu tư và kinh doanh.
3. Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.
4. Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách.
5. Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

b. Kiến thức chuyên sâu

6. Nắm vững các kiến thức về pháp luật trong thẩm định giá, các kiến thức nền tảng về nguyên lý hình thành giá cả và nguyên lý căn bản về thẩm định giá, các kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ thẩm định giá như thẩm định giá bất động sản, thẩm định giá máy, thiết bị, thẩm định giá tài sản vô hình, thẩm định giá doanh nghiệp.
7. Nắm được và vận dụng các kiến thức căn bản về thị trường tài chính – tiền tệ, các chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và hiểu rõ về các tổ chức tài chính trung gian như ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm.
8. Nắm vững và vận dụng tốt các kiến thức về tài chính, đầu tư, bao gồm tài chính doanh nghiệp, quản trị rủi ro, thẩm định dự án đầu tư, kế toán tài chính...

9. Có kiến thức thực tiễn về Thẩm định giá; tiếp cận và hoàn thành tốt các công việc của ngành Tài chính – ngân hàng trong tương lai.

10. Phát hiện, phân tích, đánh giá, tổng hợp và giải quyết các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực thẩm định giá.

2.2 Về kỹ năng: (4 - 5 CDR)

a. Kỹ năng nghề nghiệp

11. Có kỹ năng về nghiệp vụ chuyên nghiệp trên tất cả các hoạt động thẩm định giá tại các doanh nghiệp trong nước và quốc tế và một số kỹ năng nghiệp vụ quan trọng khác về đầu tư, ngân hàng, tài chính công, tài chính quốc tế.

12. Có kỹ năng tư duy chiến lược, tư duy quản trị và có thể nhận thức các vấn đề thực tiễn và bối cảnh của tổ chức để vận dụng linh hoạt vào các hoạt động thẩm định giá nói riêng và lĩnh vực tài chính – ngân hàng nói chung.

13. Có thể nhận thức các vấn đề thực tiễn và bối cảnh của tổ chức, kỹ năng thu thập thông tin dữ liệu, phân tích, tổng hợp, đánh giá, lập luận, vận dụng các kiến thức toán, khoa học tự nhiên và kiến thức của nhóm ngành tài chính – ngân hàng để giải quyết các vấn đề thực tế về kinh tế, tài chính ngân hàng ở tầm vi mô và vĩ mô.

b. Kỹ năng mềm

14. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, điều hành,... đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo.

15. Có khả năng sử dụng Ngoại ngữ một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế.

16. Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học thông dụng; có khả năng phân tích Dữ liệu lớn (Big Data) trong kinh tế và kinh doanh.

2.3 Năng lực tự chủ về chịu trách nhiệm:

17. Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp;

18. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;

19. Khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 135 tín chỉ.

4. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh có đủ các điều kiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định tuyển sinh của Học viện Chính sách và Phát triển.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định đào tạo đại học hệ chính quy của Học viện Chính sách và Phát triển.

6. Cách thức đánh giá (thang điểm)

Đánh giá theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định đào tạo đại học hệ chính quy của Học viện Chính sách và Phát triển.

7. Cấu trúc kiến thức của Chương trình đào tạo

Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: **135 tín chỉ**

Trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương	<u>44 tín chỉ</u>
(không bao gồm GD thể chất và GD quốc phòng)	
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:	<u>91 tín chỉ</u>
+ Kiến thức cơ sở ngành	32 tín chỉ
<i>Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc</i>	<i>26 tín chỉ</i>
<i>Kiến thức cơ sở ngành lựa chọn</i>	<i>6 tín chỉ</i>
+ Kiến thức ngành	27 tín chỉ
<i>Kiến thức ngành bắt buộc</i>	<i>21 tín chỉ</i>
<i>Kiến thức ngành lựa chọn</i>	<i>6 tín chỉ</i>
+ Kiến thức chuyên ngành	22 tín chỉ
<i>Kiến thức chuyên ngành bắt buộc</i>	<i>16 tín chỉ</i>
<i>Kiến thức chuyên ngành lựa chọn</i>	<i>6 tín chỉ</i>
+ Thực tập và Khoá luận	10 tín chỉ

8. Nội dung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần	Số Tín chỉ	Học kỳ
1	Kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm GDTC&QP)			
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	4
2	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	1
3	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	3
4	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	3
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2
7	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	1
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3
9	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1	3	1
10	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	2
11	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3
12	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	4
13	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
14	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
15	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	2
16	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1
17	GDQP02	Giáo dục quốc phòng	8	2
18	GDTC08	Giáo dục thể chất 1	2	1
19	GDTC06	Giáo dục thể chất 2	2	2
20	GDTC07	Giáo dục thể chất 3	2	3
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			
2.1	Kiến thức cơ sở ngành			
2.1.1	<i>Cơ sở ngành bắt buộc</i>			
1	CSCS11	Chính sách công	3	5
2	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	7
3	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	3
4	QHĐL07	Địa lý Kinh tế	3	2
5	TOKT05	Kinh tế lượng	3	4

6	KHMI03	Kinh tế vi mô 2	3	4
7	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	4
8	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	4
9	NNKD05	Tiếng Anh trong kinh doanh	3	5
2.1.2	<i>Cơ sở ngành tự chọn (Sinh viên lựa chọn 2 trong số 4 môn học sau)</i>			
1	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3	5
2	ĐNQT09	Kinh tế quốc tế	3	5
3	QTMC02	Marketing căn bản	3	5
4	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	5
2.2	<i>Kiến thức ngành</i>			
2.2.1	<i>Ngành bắt buộc</i>			
1	KTCB01	Kiểm toán căn bản	3	6
2	TCKH04	Kế toán tài chính	3	6
3	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	5
4	NHTM02	Ngân hàng thương mại	3	5
5	TCCO21	Quản lý tài chính công	3	5
6	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3	5
7	TCKK25	Thị trường chứng khoán	3	6
2.2.2	<i>Ngành tự chọn (Sinh viên lựa chọn 2 trong số 3 môn học sau)</i>			
1	QTKD13	Quản trị chiến lược	3	6
2	TCQT12	Tài chính quốc tế	3	6
3	TCTO10	Toán tài chính	3	6
2.3	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>			
2.3.1	<i>Chuyên ngành bắt buộc</i>			
1		Nguyên lý thẩm định giá	3	6
2		Thẩm định giá trị doanh nghiệp	3	7
3		Thẩm định giá tài sản vô hình	2	7
4		Thẩm định giá máy, thiết bị	2	7
5		Thẩm định giá bất động sản	3	7
6		Pháp luật áp dụng trong lĩnh vực giá và thẩm định giá	3	6
2.3.2	<i>Chuyên ngành tự chọn (Sinh viên lựa chọn 2 trong số 5 môn học sau)</i>			
1		Ứng dụng dữ liệu lớn trong phân tích và định giá tài sản	3	7

2		Mô hình định giá tài sản	3	7
3	TCTH11	Thuế	3	6
4	TCQG01	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	3	7
5	TCTĐ17	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3	7
2.4	<i>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp</i>			
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
2	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	8
TỔNG SỐ (Không bao gồm GDTC & Quốc phòng)			135	